TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẦM D, TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 296/2023/DS-ST
Ngày 04 - 12- 2023
V/v trAnh chấp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẦM D, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Mai

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Hùng

Ông Châu Trung Trực

- Thư ký phiên tòa: Ông Hà Chí Đệ là thư ký Toà án nhân dân huyện Đầm D.

Ngày 04 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đầm D xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 616/2023/TLST-DS ngày 11 tháng 10 năm 2023 về việc "TrAnh chấp hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 372/2023/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 10 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông PhA Văn Kh, sinh năm 1963; địa chỉ cư trú: Ấp Tân H , xã Tân T, huyện Đầm D, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

2. Bị đơn:

2.1. Ông Trần Hồng Th; địa chỉ cư trú: Ấp Tân A, xã Tân Đ, huyện Đầm D, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

2.2. Ông Phạm Văn Kh; địa chỉ cư trú: Ấp Tân A, xã Tân Đ, huyện Đầm D, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn kiện và lời trình bày của Anh PhA Văn Kh trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện:*

Anh Kh có tham gia hụi do chị Th và Anh Kh làm chủ, cụ thể:

- Dây hụi thứ nhất: Loại hụi 2.000.000 đồng, mở ngày 10/02/2022, mỗi tháng khui 01 lần, gồm 43 chưng, Anh Kh tham gia 01 chưng. Ngày 10/02/2023 chị Th tuyên bố đình hụi. Số tiền Anh Kh được hưởng trong dây hụi này là 28.000.000 đồng.

- Dây hụi thứ hai: Loại hụi 2.000.000 đồng, mở ngày 25/4/2022, mỗi tháng khui 01 lần, gồm 37 chưng, Anh Kh tham gia 01 chưng. Ngày 25/2/2023 chị Th tuyên bố đình hụi. Số tiền Anh Kh được hưởng trong dây hụi này là 24.000.000 đồng.

Tổng số tiền chị Th và Anh Kh nợ trong 02 dây hụi trên là 52.000.000 đồng. Sau khi đình hụi anh Kh có đến gặp Anh Kh và chị Th thì Anh Kh và chị Th thừa nhận còn nợ Anh Kh 52.000.000 đồng, sau đó có trả được 2 lần, còn lại 49.244.000 đồng.

Theo đơn kiện Anh Kh yêu cầu Anh Phạm Văn Kh và chị Trần Hồng Th trả số tiền hụi 49.244.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án Anh Kh thay đổi yêu cầu Kh kiện, chỉ yêu cầu Anh Kh và chị Th trả số tiền hụi 40.000.000 đồng.

* *Đối với Anh Phạm Văn Kh:* Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng của Tòa án đối với yêu cầu Kh kiện của Anh Thành nhưng Anh Kh từ chối nhận văn bản tố tụng của Tòa án và cho rằng không liên quA đến giao dịch hụi nêu trên, không tham gia H giải, xét xử.

* *Đối với chị Trần Hồng Th:* Mặc dù đã được tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng của Tòa án đối với yêu cầu Kh kiện của Anh Thành nhưng chị Th không có ý kiến gì và cũng không tham gia H giải, xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Phạm Văn Kh có đơn xin xét xử vắng mặt; Anh Phạm Văn Kh và chị Trần Hồng Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự T hành xét xử vắng mặt các đương sự.

Anh Kh yêu cầu chị Th và Anh Kh trả số tiền hụi nên qua hệ pháp luật trAnh chấp được xác định là trAnh chấp hụi, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Theo đơn Kh kiện, Anh Kh yêu cầu chị Th và Anh Kh trả số tiền hụi 49.244.000 đồng, quá trình giải quyết vụ án Anh Kh thay đổi yêu cầu Kh kiện, chỉ yêu cầu chị Th và Anh Kh trả số tiền hụi 40.000.000 đồng. Xét thấy việc thay đổi yêu cầu Kh kiện của Anh Kh không vượt quá phạm vi Kh kiện bA đầu theo quy định tại khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

[2] Về nội dung: Anh Kh kiện yêu cầu chị Th và anh Kh trả số tiền hụi chết là 40.000.000 đồng. Thấy rằng, theo danh sách hụi viên đối với 02 dây hụi nêu trên có thể hiện anh Kh là hụi viên. Đến khi đình hụi thì số tiền hụi sau khi đối trừ số tiền đã thanh toán còn nợ 49.244.000 đồng, anh Kh chỉ yêu cầu anh Kh và chị Th trả 40.000.000 đồng.

Chị Th đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để biết được yêu cầu Kh kiện của anh Kh, nhưng không có ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ và không có thiện chí phối hợp với Tòa án để giải quyết vụ án. Như vậy, nội dung và yêu cầu Kh kiện của anh Kh thuộc trường hợp những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với anh Kh, không đồng ý nhận văn bản tố tụng của Tòa án cho rằng không liên quA đến số nợ hụi trên. Thấy rằng, giao dịch hụi giữa anh Kh với chị Th và anh Kh phát sinh trong thời gia anh Kh và chị Th còn tồn tại qua hệ hôn nhân hợp pháp nên Anh Kh phải cùng có nghĩa vụ trả nợ cùng chị Th theo quy định tại Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình. Do đó, buộc Anh Kh cùng với chị Th có nghĩa vụ trả cho ông Phạm Văn Kh số tiền hụi 40.000.000 đồng là phù hợp.

[3] Về án phí dân sự: Anh Kh không phải chịu; Anh Kh và chị Th chịu 2.000.000 đồng (40.000.000 đồng x 5% = 2.000.000 đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, khoản 2 Điều 92, khoản 2 Điều 244, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình, Điều 471 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy bA thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu Kh kiện của anh Phan Văn Kh. Buộc Anh Phạm Văn Kh và chị Trần Hồng Th trả số tiền hụi 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng).

Kể từ ngày anh Kh có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Kh và chị Th chậm thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng anh Kh và chị Th còn phải chịu thêm khoản lãi suất chậm thi hành theo mức lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng số tiền và thời gia chậm thi hành.

2. Về án phí dân sự: Anh Phan Văn Kh không phải chịu, Anh Kh đã nộp tạm ứng án phí số tiền 1.231.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0000535 ngày 11/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm D được nhận lại; Anh Phạm Văn Kh và chị Trần Hồng Th phải chịu 2.000.000 đồng (hai triệu đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm D;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm D;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)
Huỳnh Ngọc Mai